HỆ THỐNG THANG LƯƠNG, BẢNG LƯƠNG, PHỤ CẤP LƯƠNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-TN ngày 28/9/2021 của công ty TNHH MTV Thủy nông)

Mức lương cơ sở công ty áp dụng là mức lương tối thiểu vùng được dùng làm căn cứ tính mức lương trong hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, tính các mức lương ghi trong hợp đồng lao động (Mức lương=Hệ số lương x mức lương tối thiểu vùng)

Mức lương cơ sở công ty áp dụng được điều chỉnh theo từng thời điểm chính phủ công bố mức lương tối thiểu vùng. Mức lương tối thiểu vùng thời điểm xây dựng thang bảng lương năm 2021 là **3.430.000** đồng. Thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2021.

I. CÁC VỊ TRÍ, CHỨC DANH CÔNG VIỆC.

1. Lao động quản lý:

- Chức danh quản lý là Chủ tịch công ty , Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng.

- Chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng (hoặc tương đương).

2. Lao động chuyên môn, nghiệp vụ:

- Kinh tế viên, kỹ sư.

- Cán sự, kỹ thuật viên.

3.Lao động thừa hành, phục vụ, lái xe, bảo vệ:

- Nhân viên văn thư, phục vụ.

- Nhân viên lái xe.

- Nhân viên bảo vệ.

4. Lao động trực tiếp sản xuất.

II. HỆ THỐNG THANG LƯƠNG, BẢNG LƯƠNG.

1. Bảng lương của viên chức quản lý.

Đối với chức danh quản lý: Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty thì áp dụng bảng lương do Nhà nước quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

1.1. Bảng hệ số lương, mức lương cơ bản của viên chức quản lý chuyên trách.

(Phụ lục I, phụ lục II của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ)

Biểu 01

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chức danh, công việc	Bậc 1	Bậc 2	PC khu vực
1	**Chủ tịch Công ty**			
	- Hệ số	5,65	5,98	0,3
	- Mức lương chế độ (*)	8.419.500	8.910.200	
	- Mức lương cơ bản	22.000.000		
2	**Giám đốc Công ty**			
	- Hệ số	5,32	5,65	0,3
	- Mức lương chế độ (*)	7.926.800	8.418.500	
	- Mức lương cơ bản	21.000.000		
3	**Phó Giám đốc**			
	- Hệ số	4,66	4,99	0,3
	- Mức lương chế độ (*)	6.943.400	7.435.100	
	- Mức lương cơ bản	18.000.000		
4	**Kế toán trưởng**			
	- Hệ số	4,33	4,66	0,3
	- Mức lương chế độ (*)	6.451.700	6.943.400	
	- Mức lương cơ bản	16.000.000		

- Mức lương chế độ (*) = (Hệ số lương + PCKV)x Mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại từng thời kỳ. (tại thời điểm xây dựng thang lương bảng lương, mức lương cơ sở 1.490.000 đồng)

- Mức lương chế độ được làm căn cứ thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và giải quyết các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

- Khi Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở hoặc có quy định mới thì thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

1.2. Thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách.

- Mức thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách thực hiện theo quy định tại Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 và các quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể, Kiểm soát viên không chuyên trách hưởng thù lao bằng 20% lương của người quản lý chuyên trách tại công ty (Phó giám đốc).

2. Bảng lương lao động chuyên môn, nghiệp vụ:

Biểu 02

CHỨC DANH	MÃ SỐ	HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG											
1. Kinh tế viên, kỹ sư	**A.01**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**				
Hệ số lương		1,23	1,34	1,46	1,60	1,74	1,88	2,05	2,22				
Mức lương cơ sở 3.430.000 đ (Năm 2021)		4.219	4.596	5.008	5.488	5.968	6.448	7.032	7.615				
2.Cán sự, kỹ thuật viên	**A.02**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Hệ số lương		1,11	1,18	1,25	1,33	1,41	1,49	1,57	1,66	1,76	1,86	1,96	2,07
Mức lương cơ sở 3.430.000 đ (Năm 2021)		3.807	4.047	4.288	4.562	4.836	5.111	5.385	5.694	6.037	6.380	6.723	7.100

+ Đối với mã A.01 ngạch lương Chuyên viên, kinh tế viên, kỹ sư: gồm 08 bậc, từ bậc thấp nhất Bậc 1: hệ số 1,23 đến bậc cao nhất Bậc 8: hệ số 2,22

+ Đối với mã A.02 ngạch lương Cán sự, kỹ thuật viên: gồm 12 bậc từ bậc thấp nhất Bậc 1: hệ số 1,11 đến bậc cao nhất Bậc 12: hệ số 2,07.

Ngạch cán sự, kỹ thuật viên: Cán sự, kỹ thuật viên, thủ quỹ, thủ kho có trình độ trung cấp (nếu có trình độ cao đẳng được xếp vào bậc 2 khi mới tuyển dụng)

3. Bảng lương lao động thừa hành, phục vụ, lái xe, bảo vệ.

Biểu 03

CHỨC DANH	MÃ SỐ	HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG											
1.Nhân viên văn thư, phục vụ	**B.01**	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hệ số lương		1,07		1,15		1,24		1,34		1,44	1,55	1,66	1,8
Mức lương cơ sở 3.430.000 đ (Năm 2021)		3.670		3.945		4.253		4.596		4.939	5.317	5.694	6.174
2. Nhân viên lái xe: Xe con	**B.02**	1	2	3	4								
Hệ số lương		1,15	1,30	1,50	1,69								
Mức lương cơ sở 3.430.000 đ (Năm 2021)		3.945	4.459	5.145	5.797								
3. Nhân viên bảo vệ	**B.03**	1	2	3	4	5							
Hệ số lương		1,07	1,13	1,19	1,25	1,34							
Mức lương cơ sở 3.430.000 đ (Năm 2021)		3.670	3.876	4.082	4.288	4.596							

0001046 15-C
CÔNG TY TNHH ĐT THÀNH VIÊ THỦY NÔNG CAO BẰNG
BẰNG T.CAO

+ Đối với mã B.01 - Nhân viên văn thư , phục vụ - Bảng lương Lao động thừa hành, phục vụ gồm 8 bậc từ Bậc 1: hệ số 1,07 đến Bậc 8: hệ số 1,8

+ Đối với mã B.02 - Nhân viên lái xe: Xe con - Bảng lương Lao động thừa hành, phục vụ gồm 4 bậc từ Bậc 1: hệ số 1,15 đến Bậc 4: hệ số 1,69

+ Đối với mã B.03 - Nhân viên Bảo vệ - Bảng lương Lao động thừa hành, phục vụ gồm 5 bậc từ Bậc 1: hệ số 1,07 đến Bậc 5: hệ số 1,34

4. Bảng lương Công nhân trực tiếp sản xuất.

Biểu 04

CHỨC DANH	MÃ SỐ	HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG					
Công nhân trực tiếp sản xuất	**C.01**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
Hệ số lương		1,15	1,23	1,32	1,41	1,52	1,65
Mức lương cơ sở 3.430.000 đ (Năm 2021)		3.945	4.219	4.528	4.836	5.214	5.660

+ Đối với mã C.01- Bảng lương Công nhân sản xuất trực tiếp, gồm 6 bậc từ Bậc 1: hệ số 1,15 đến bậc 6: hệ số 1,65

III. PHỤ CẤP LƯƠNG.

1. Phụ cấp chức vụ.

- Phụ cấp chức vụ được áp dụng đối với các chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, trưởng trạm và phó trưởng trạm. Phụ cấp chức vụ được tính làm cơ sở tham gia các chế độ bảo hiểm bắt buộc và được trả cùng kỳ trả lương hàng tháng. Mức phụ cấp chức vụ của Công ty được tính trên mức lương tối thiểu vùng do Công ty áp dụng.

- Mức phụ cấp cao nhất không vượt quá 15% mức lương chuyên môn, nghiệp vụ cao nhất trong bảng lương chuyên môn nghiệp vụ.

- Khi thôi không giữ chức vụ từ 01 tháng trở lên thì không hưởng phụ cấp chức vụ.

- Phụ cấp chức vụ được Công ty quy định cụ thể như sau:

Biểu 05

STT	Chức danh công việc	Hệ số phụ cấp	Mức tiền phụ cấp	Chi chú
1	Trưởng phòng, trưởng trạm	0,15	514.500	
2	Phó trưởng phòng, phó trưởng trạm	0,10	343.000	

Ghi chú: Mức phụ cấp = Hệ số phụ cấp x Mức lương tối thiểu vùng

2. Phụ cấp trách nhiệm.

- Phụ cấp trách nhiệm được áp dụng đối với người lao động làm công việc đòi hỏi trách nhiệm cao hơn so với trách nhiệm đã tính trong mức lương của bảng lương gồm các

chức danh: Thủ kho, thủ quỹ hoặc các chức danh tương tự.

- Mức phụ cấp trách nhiệm được công ty quy định là 0,05 và được tính trên mức lương cơ sở do Công ty áp dụng. Mức phụ cấp này được trả cùng kỳ trả lương hàng tháng. Khi thôi không giữ chức vụ từ 01 tháng trở lên thì không được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

3. Phụ cấp khu vực.

- Phụ cấp khu vực được áp dụng đối với người lao động làm việc ở địa bàn mà Nhà nước quy định cán bộ, công chức làm việc ở địa bàn này được hưởng phụ cấp khu vực. Mức phụ cấp khu vực được Công ty được tính trên mức lương tối thiểu vùng do Công ty áp dụng.Mức phụ cấp tối đa bằng mức tiền tuyệt đối mà cán bộ, công chức trên địa bàn đang hưởng. Mức phụ cấp này được trả cùng kỳ trả lương hàng tháng.

Biểu 06

STT	Hệ số PCKV	Mức tiền phụ cấp
1	0,12	411.600
2	0,17	583.100
3	0,21	720.300
4	0,29	994.700

Cao Bằng, ngày 28 tháng 9 năm 2021

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG CAO BẰNG

La Chí Thành